

CHUYÊN NGÀNH THÔNG TIN QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ

Khóa học thông dịch tiếng Nhật · Khóa học Phúc lợi quản trị kinh doanh

CHUYÊN NGÀNH PHÚC LỢI XÃ HỘI

Khóa học Chăm sóc trẻ em · Khóa học Phúc lợi xã hội · Khóa giáo dục học · Khóa tâm lý học

Nhập học Tháng 4 năm 2012 (Heisei 24)



Application for
Admission in April, 2012

Được cấp phép bởi Chủ tịch tỉnh Aichi Chứng nhận bởi Hiệp hội chấn hưng giáo dục tiếng Nhật

Trường học pháp nhân **HỌC VIỆN TACHIBANA** Cơ sở nghiên cứu trực thuộc trường Đại học Phúc lợi Tokyo

**TRƯỜNG CHUYÊN MÔN ĐÀO TẠO CÔNG CHỨC · CHĂM
SÓC TRẺ EM · ĐIỀU DƯỠNG · QUẢN TRỊ KINH DOANH**

COLLEGE OF GOVERNMENT OFFICER, CHILD WELFARE, CARE WORKER & BUSINESS

(Đổi tên trường từ tháng 4 năm 2011 Tên trường cũ: Trường chuyên môn Phúc lợi chăm sóc trẻ em, Judo trị liệu Nagoya)

MỤC LỤC

■ Tài liệu tuyển sinh

| | |
|---|-------|
| Phương châm cơ bản bảo hộ thông tin cá nhân..... | 1-2 |
| Ngành học tuyển sinh - Thời gian học - Ưu đãi du học sinh..... | 3-4 |
| Từ khi nộp hồ sơ tuyển sinh cho đến khi nhập học..... | 5-6 |
| Tư cách ứng tuyển, thời gian tuyển sinh, phương thức xét tuyển, thủ tục nộp hồ sơ đăng ký tuyển sinh...7-8 | |
| Hồ sơ đăng ký tuyển sinh..... | 9-10 |
| Về Chế độ đăng ký tuyển sinh song song nhiều trường, lệ phí xét tuyển nhập học và cách thức nộp phí, thông báo kết quả trúng tuyển, thủ tục nhập học, gia hạn thời gian lưu trú | 11-12 |
| Học phí..... | 13-14 |

■ Hồ sơ nộp khi đăng ký

| | |
|--|-------|
| Điểm lưu ý khi viết Đơn đăng ký nhập học (Ví dụ mẫu) | 15 |
| Điểm lưu ý khi viết Giấy cam kết (Ví dụ mẫu) | 16 |
| Điểm lưu ý khi viết Đơn đăng ký nhập học (Tờ thứ 2 – mặt trước) (Ví dụ mẫu)..... | 17 |
| Điểm lưu ý khi viết Đơn đăng ký nhập học (Tờ thứ 2 – mặt sau) (Ví dụ mẫu)..... | 18 |
| Đơn đăng ký nhập học – Giấy cam kết..... | 19-22 |
| Giấy tiến cử..... | 23 |
| Đơn xin đăng ký nhập học song song nhiều trường..... | 24 |
| Giấy cam kết chi trả chi phí..... | 25 |
| Phiếu dán hình - Phiếu dự thi - Giấy yêu cầu chuyển khoản lệ phí xét tuyển tuyển sinh..... | 26 |

PHƯƠNG CHÂM CƠ BẢN BẢO HỘ THÔNG TIN CÁ NHÂN

Trường học pháp nhân Học viện Tachibana luôn nhận thức được tầm quan trọng của thông tin cá nhân, và thiết lập nên phương châm cơ bản bảo hộ thông tin cá nhân với các mục sau đây.

Điều 1 Tập hợp và sử dụng thông tin cá nhân (Chú thích 1)

Nhằm mục đích cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng tốt, Trường học pháp nhân Học viện Tachibana (dưới đây gọi là “Học viện”), trên cơ sở xác định rõ ràng mục đích sử dụng (Chú thích 2), trong phạm vi cần thiết tiến hành tập hợp và sử dụng thông tin cá nhân trong phạm vi mục đích sử dụng.

Điều 2 Quản lý và bảo hộ thông tin cá nhân

Trên cơ sở nhận thức được các nguy cơ liên quan đến thông tin cá nhân (tiếp cận bất chính, thất lạc, phá hoại, làm giả, và bị rò rỉ, v.v...), thiết lập cách thức quản lý thích hợp và cần thiết để phòng ngừa các nguy cơ trên. Thực hiện giám sát thích hợp và cần thiết đối với các nơi ủy thác bên ngoài liên quan đến việc gửi hướng dẫn trường học, thông tin tuyển sinh, hướng dẫn buổi thuyết minh, v.v... Ngoại trừ trường hợp nhận được sự chấp thuận của khách hàng, trường hợp yêu cầu công khai theo quy định của luật pháp, học viện không công khai, cung cấp các dữ liệu cá nhân đối với người thứ 3.

Điều 3 Công khai, chỉnh sửa, xóa bỏ,... thông tin cá nhân

Trong trường hợp quý khách có nguyện vọng tìm hiểu, chỉnh sửa, xóa bỏ,... thông tin cá nhân của mình, xin liên hệ đến phòng hướng dẫn của học viện, trong phạm vi hợp lý học viện sẽ nhanh chóng

đáp ứng theo yêu cầu.

Điều 4 Luật pháp, quy tắc cần tuân thủ

Học viện tuân thủ luật pháp, quy tắc được áp dụng liên quan đến thông tin cá nhân mà học viện sở hữu.

Điều 5 Cải thiện liên tục cơ chế và hoạt động, cơ cấu quản lý bảo hộ thông tin cá nhân

Học viện luôn xem xét, cải thiện cơ cấu quản lý, cơ chế, và các hoạt động ghi trong các hạng mục trên liên quan đến bảo hộ thông tin cá nhân.

Chú thích 1 “Thông tin cá nhân” là thông tin về họ tên, tuổi, ngày tháng năm sinh, số điện thoại, địa chỉ, trường học xuất thân, nơi làm việc, thông tin kết quả đậu kỳ thi quốc gia, kỳ thi chứng chỉ; và sử dụng thông tin với ý nghĩa xác định cá nhân về quý khách – học viên đang theo học tại trường – học viên tốt nghiệp – học viên hoàn thành khóa học.

Chú thích 2 Mục đích sử dụng thông tin cá nhân

- Trường hợp cần thiết về mặt giáo vụ (Ngoài danh sách tên học viên, bảng thành tích học tập)
- Việc gửi hướng dẫn trường học, thông tin tuyển sinh, hướng dẫn buổi giải thích,... và hướng dẫn bằng điện thoại, v.v...
- Nơi làm việc (quyết định nội bộ trong công ty) của học viên tốt nghiệp – hoàn thành (dự kiến), đăng tải lên danh sách thông báo người thi đậu kỳ thi quốc gia – kỳ thi chứng chỉ
- Đăng tải trên danh sách người thi đậu kỳ thi quốc gia - kỳ thi chứng chỉ nhóm Đại học Phúc lợi Tokyo và bảng thông báo trong trường học
- Đăng tải trên phương tiện truyền thông như trang web, hướng dẫn trường học, tạp chí... của nhóm Đại học Phúc lợi Tokyo, v.v...
- Trường hợp thấy cần thiết theo chỉ đạo của trường đang học hoặc trường xuất thân

Quy định Ngày 1 tháng 10 năm 2004

Chỉnh sửa Ngày 1 tháng 4 năm 2007

Trường học pháp nhân Học viện Tachibana

Trường chuyên môn đào tạo công chức – chăm sóc trẻ em – điều dưỡng – quản trị kinh doanh

Về việc phổ biến phương châm cơ bản bảo hộ thông tin cá nhân

-Truyền bá triết đề phương châm này đến toàn bộ cán bộ giảng dạy, đồng thời công bố trên trang web của học viện.

-Có trường hợp chỉnh sửa các phương châm cơ bản trên đây. Trong trường hợp đó, sẽ đăng thông báo lên trang web.

Nơi hướng dẫn về việc sử dụng thông tin cá nhân

Địa chỉ liên lạc Ban tuyển sinh Trường học pháp nhân Học viện Tachibana

Điện thoại SĐT 052 – 454 – 3503

FAX 052 – 454 – 3505

Thời gian tiếp nhận thứ hai ~ thứ bảy (ngoại trừ ngày lễ) 10:30 ~ 17:30

NGÀNH HỌC TUYỂN SINH – THỜI GIAN HỌC

NGÀNH THÔNG TIN QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ (NAM NỮ)

Khóa học phiên dịch tiếng Nhật Ngành Giáo dục Khoa Giáo dục Đại học Phúc lợi Tokyo (BA)

Kết hợp học song song với khóa học Giáo dục thông tin Khóa học Phúc lợi kinh doanh Ngành Phúc lợi xã hội Khoa Phúc lợi xã hội (BA)

NGÀNH PHÚC LỢI XÃ HỘI (NAM NỮ)

Khóa học Chăm sóc trẻ em/ Kết hợp học song song với Khóa học Giáo dục thông tin Ngành chăm sóc trẻ em Khoa Phúc lợi xã hội Đại học Phúc lợi Tokyo (BA)

Khóa học Phúc lợi xã hội / Kết hợp học song song với Khóa học Giáo dục thông tin Ngành Phúc lợi xã hội Khoa Phúc lợi xã hội Đại học Phúc lợi Tokyo (BA)

Khóa Giáo dục học / Kết hợp học song song với Khóa học Giáo dục thông tin Ngành Giáo dục Khoa Giáo dục Đại học Phúc lợi Tokyo (BA)

Khóa Tâm lý học / Kết hợp học song song với Khóa học Giáo dục thông tin Ngành Tâm lý học Khoa Tâm lý Đại học Phúc lợi Tokyo (BA)

| Tên ngành học | | Mã Code | Thời gian học |
|--|----------------------------|---------|----------------|
| Khóa học phiên dịch tiếng Nhật Ngành Thông tin quản trị kinh doanh quốc tế (Kết hợp học song song với Khóa Giáo dục thông tin Khóa học Phiên dịch tiếng Nhật Ngành Giáo dục Khoa Giáo dục Đại học Phúc lợi Tokyo) | Nhập học năm 1 | 65 | Ban ngày 4 năm |
| | Nhập học chuyển tiếp năm 3 | 88 | Ban ngày 2 năm |
| Khóa học Phúc lợi kinh doanh Ngành Thông tin kinh doanh quốc tế (Kết hợp học song song với Khóa Giáo dục thông tin Khóa học Phúc lợi kinh doanh Ngành Phúc lợi xã hội Khoa Phúc lợi xã hội Đại học Phúc lợi Tokyo) | Nhập học năm 1 | 66 | Ban ngày 4 năm |
| | Nhập học chuyển tiếp năm 3 | 89 | Ban ngày 2 năm |
| Khóa học Chăm sóc trẻ em Ngành Phúc lợi xã hội (Kết hợp học song song với Khóa Giáo dục thông tin Ngành Chăm sóc trẻ em Khóa Phúc lợi xã hội Đại học Phúc lợi Tokyo) | Nhập học năm 1 | 16 | Ban ngày 4 năm |
| | Nhập học chuyển tiếp năm 2 | 75 | Ban ngày 3 năm |
| | Nhập học chuyển tiếp năm 3 | 76 | Ban ngày 2 năm |
| | Nhập học chuyển tiếp năm 4 | 77 | Ban ngày 1 năm |
| Khóa học Phúc lợi xã hội Ngành Phúc lợi xã hội (Kết hợp học song song với Khóa Giáo dục thông tin Ngành Phúc lợi xã hội Khoa Phúc lợi xã hội Đại học Phúc lợi Tokyo) | Nhập học năm 1 | 11 | Ban ngày 4 năm |
| | Nhập học chuyển tiếp năm 3 | 73 | Ban ngày 2 năm |
| Khóa học Giáo dục học Ngành học Phúc lợi xã hội (Kết hợp học song song với Khóa Giáo dục thông tin Ngành Giáo dục Khoa Giáo dục Đại học Phúc lợi Tokyo) | Nhập học năm 1 | 18 | Ban ngày 4 năm |
| | Nhập học chuyển tiếp năm 3 | 80 | Ban ngày 2 năm |
| Khóa học Tâm lý học Ngành Phúc lợi xã hội (Kết hợp học song song với Khóa giáo dục thông tin Ngành Tâm lý Khoa Tâm lý Đại học Phúc lợi Tokyo) | Nhập học năm 1 | 12 | Ban ngày 4 năm |
| | Nhập học chuyển tiếp năm 3 | 83 | Ban ngày 2 năm |

~ ƯU ĐÃI DU HỌC SINH ~

●Gửi đến các bạn có nguyện vọng nhập học vào tháng 4 năm 2012 (Heisei 24)

Chế độ đăng ký tuyển sinh song song nhiều trường

- Chỉ cần nộp tiền nhập học, được đảm bảo kết quả thi đầu vào trường
- Trong trường hợp đầu trường đại học,... khác, sẽ được hoàn trả toàn bộ tiền nhập học đã đóng

Thí sinh có nguyện vọng thi vào trường, đồng thời đăng ký tuyển sinh vào trường đại học, cao học, khác (bao gồm cả nghiên cứu sinh dự bị), nộp đơn đăng ký tuyển sinh trong năm 2011 được trúng tuyển thì đầu tiên sẽ nộp tiền nhập học. Ngoài khoản tiền nhập học này, các khoản phí còn lại như học phí,...được kéo dài thời gian nộp cho đến khi có thông báo kết quả thi đầu vào trường đại học, khác. Trong trường hợp thí sinh nhập học vào trường đại học, khác, nhà trường sẽ hoàn trả toàn bộ khoản tiền nhập học đã nộp. Còn sinh viên nhập học vào trường, ngoài khoản tiền nhập học đã thu sẽ chỉ phải nộp thêm khoản phí còn lại như học phí,

Trong trường hợp nộp đơn tuyển sinh trong năm dựa trên tiền cử từ trường chỉ định, sẽ được ưu đãi miễn giảm học phí

Trong năm 2011, trong trường hợp đầu đại học, nhập học vào tháng 4 năm 2012 thông qua tiền cử từ trường chỉ định (chuyên tiếp – nhập học năm 1), sẽ được miễn giảm tiền nhập học – xem như học bổng vào trường chuyên môn. Ngoài ra, nếu nộp 1 lần hết toàn bộ chi phí năm đầu tiên sẽ được miễn giảm 50.000 yên.

Học bổng dành cho sinh viên có thành tích học tập xuất sắc

Sau khi nhập học, thông qua xét duyệt tỷ lệ đến lớp – thành tích học tập, sinh viên được miễn giảm tối đa toàn bộ tiền nhập học cho đến nhận học bổng tương đương số tiền miễn giảm học phí được chỉ định.

| Cấp bậc | Bậc 1 | Bậc 2 | Bậc 3 | Bậc 4 |
|-------------------------|-------|-------|-------|--------------------------------------|
| Tỷ lệ miễn giảm học phí | 100% | 50% | 30% | Khoản tiền tương đương tiền nhập học |

Dự kiến áp dụng chế độ tiến cử nội bộ đến trường Cao học, Ngành nghiên cứu phúc lợi xã hội học, chuyên môn Phúc lợi xã hội học

Dự kiến áp dụng chế độ tiến cử nội bộ, với điều kiện sau khi nhập học vào trường đạt thành tích – tỷ lệ đến lớp tốt, đã hoàn tất việc đóng học phí, có thể nhận được giấy chứng nhận trúng tuyển tiến cử đến trường Cao học, Ngành nghiên cứu phúc lợi xã hội học, chuyên môn Phúc lợi xã hội học

※Hỏi đáp chi tiết xin liên hệ đến nhà trường.

Cơ quan pháp nhân hành chính độc lập hỗ trợ sinh viên Nhật Bản

Học bổng khuyến khích dành cho du học sinh người nước ngoài tự phí

Từ sau học kỳ 2 của năm thứ 1, nhà trường thực hiện xét tuyển vòng trường dựa vào tỷ lệ đến lớp – thành tích học tập xuất sắc, và cấp tặng phần học bổng trị giá 48.000 yên/tháng cho người được tuyển chọn (Không cần hoàn trả).

Từ khi nộp hồ sơ tuyển sinh cho đến khi nhập học

■ Xin hãy xem trình tự đăng ký giờ học

| | |
|-----------------------------------|--|
| Chuẩn bị hồ sơ đăng ký tuyển sinh | Thí sinh chuẩn bị hồ sơ đăng ký tuyển sinh cần thiết |
|-----------------------------------|--|



| | |
|--|---|
| Chuyển khoản lệ phí xét tuyển nhập học | Thí sinh cầm tập giấy báo dự thi A · B · C · D (Tập giấy bao gồm Phiếu dán hình – Phiếu dự thi – Giấy yêu cầu chuyển khoản) đến ngân hàng, và chuyển khoản lệ phí xét tuyển nhập học. Thí sinh lưu giữ giấy chứng minh đã chuyển khoản, còn phiếu dán hình – phiếu dự thi có đóng dấu đã thu tiền của ngân hàng xin hãy gửi đến trường chúng tôi cùng với hồ sơ đăng ký tuyển sinh. |
|--|---|



| | |
|--------------------------------------|---|
| Thủ tục nộp hồ sơ đăng ký tuyển sinh | Thí sinh gửi hồ sơ đăng ký tuyển sinh bằng phong bì thư gửi bảo đảm chỉ định của trường kèm trong hồ sơ tuyển sinh, trong thời gian đăng ký tuyển sinh, theo đường bưu điện, hoặc cầm đến nộp trực tiếp tại Ban tuyển sinh (trong trường chuyên môn Nagoya về khoa học tự nhiên – công việc). |
|--------------------------------------|---|



| | |
|-------------------|---|
| Nhận phiếu dự thi | Trong trường hợp đem nộp Đơn đăng ký tuyển sinh trực tiếp đến trường, sẽ được nhà trường trao phiếu dự thi tại chỗ, còn đối với trường hợp gửi bằng đường bưu điện, trường sẽ gửi lại bằng bưu điện vì vậy thí sinh cần cất giữ cẩn thận. Thí sinh cần cầm đến trong ngày xét tuyển như ngày thi phỏng vấn, |
|-------------------|---|



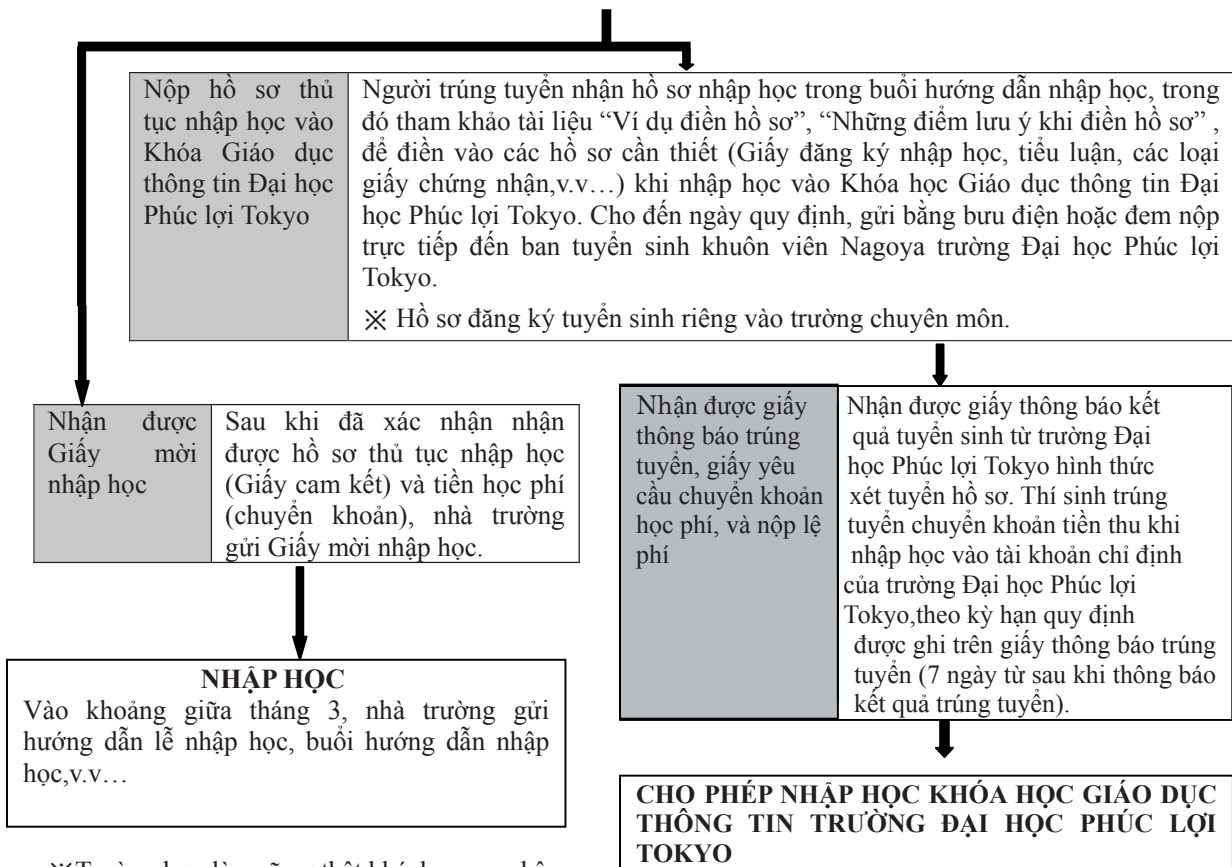
| | |
|--------------------|---|
| Xét tuyển nhập học | Xét tuyển hồ sơ · Phỏng vấn (bằng tiếng Nhật) · Kỳ thi viết tiếng Nhật · Thi luận (Theo mẫu trong khoảng 600 ~ 800 chữ) |
|--------------------|---|



TRÚNG TUYỂN



| | |
|--|---|
| Nhận được Giấy thông báo trúng tuyển · Giấy yêu cầu chuyển khoản học phí | <p>Từ ngày xét tuyển trong vòng 10 ngày, trường sẽ gửi giấy thông báo kết quả trúng tuyển. Cho đến hạn nộp phí quy định ghi trên giấy thông báo kết quả trúng tuyển, học viên trúng tuyển nộp <u>học phí (Khoản tiền thu toàn bộ của năm đầu tiên và tất cả các chi phí)</u> cho trường. Đồng thời học viên gửi hồ sơ thủ tục nhập học như giấy cam kết, v.v...</p> <ul style="list-style-type: none"> ※ Trong trường hợp cho đến ngày quy định, vẫn chưa hoàn thành thủ tục nhập học, thí sinh trúng tuyển mất tư cách nhập học vào trường ※ Về việc nộp học phí, v.v... thí sinh chuyển khoản dựa theo giấy yêu cầu chuyển khoản chỉ định. Giấy biên nhận số tiền chuyển khoản theo giấy yêu cầu chuyển khoản (cùng lệ phí) chính là biên nhận đã nộp tiền học phí, vì vậy hãy bảo quản cẩn thận. ※ Thí sinh đăng ký tuyển sinh trong năm 2011, đăng ký song song với trường khác, đã trúng tuyển vào trường, cho đến ngày hạn nộp tiền (7 ngày kể từ sau ngày phát hành giấy thông báo kết quả trúng tuyển) sẽ chỉ nộp tiền nhập học. Ngoài tiền nhập học, những khoản học phí còn lại như phí giảng dạy, ... được hoãn nộp cho đến ngày thông báo kết quả tuyển sinh của trường đăng ký tuyển sinh song song đã được ghi trên Đơn xin đăng ký tuyển sinh song song |
|--|---|



※ Trường hợp làm rõ sự thật khách quan, nhận định học viên không đủ tư cách học viên của trường, thì cho dù đã trúng tuyển hoặc đã hoàn tất thủ tục nhập học, cũng sẽ bị hủy quyền được phép nhập học hoặc trúng tuyển

1. Tư cách ứng tuyển

Nhập học năm 1

Là người đáp ứng đầy đủ tất cả điều kiện 4 hạng mục dưới đây

- (1) Theo nguyên tắc, là người đã hoàn tất (dự tính hoàn tất) bậc giáo dục tại trường học từ 12 năm trở lên ở nước sở tại.
- (2) Người đã theo học thời gian từ nửa năm (600 giờ) trở lên tại trường tiếng Nhật do Hiệp hội chấn hưng giáo dục tiếng Nhật chỉ định, hoặc có chứng chỉ đậu kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) cấp 2 trở lên, hoặc đạt từ 200 điểm trở lên trong kỳ thi du học Nhật Bản (EJU), hoặc đạt trình độ giữa trung cấp đến thượng cấp trở lên trong kỳ thi kiểm định tiếng Nhật trong cuộc sống – năng lực làm việc (GNK).
- (3) Người đầy đủ sức khỏe về tinh thần và thể chất
- (4) Người về mặt kinh tế có thể đảm bảo việc học liên tục

Nhập học chuyển tiếp năm 3

Là người đáp ứng các điều kiện (1) hoặc (2), và (3), (4), (5) ghi dưới đây

- (1) Người đã tốt nghiệp (dự kiến tốt nghiệp) trường đại học – đại học ngắn hạn theo chế độ giáo dục tại trường học nước ngoài sở tại (Người hoàn thành (dự kiến hoàn thành) khóa học 16 năm – 14 năm giáo dục trường học) . Hoặc người được công nhận đạt tiêu chuẩn này.
- (2) Người thôi học (dự kiến thôi học) sau khi đã học trên 2 năm (đạt được từ 62 tín chỉ trở lên) tại trường đại học theo chế độ giáo dục trường học của nước ngoài sở tại, hoặc đang theo học tại trường đại học đó, dự kiến đạt được từ 62 tín chỉ trở lên và hoàn thành (dự kiến hoàn thành) năm thứ 2 vào tháng 3 năm 2011 (Heisei 23).
- (3) Người đã theo học thời gian từ nửa năm (600 tiếng) trở lên tại trường tiếng Nhật do Hiệp hội chấn hưng giáo dục tiếng Nhật chỉ định, hoặc có chứng chỉ đậu kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) cấp 2 trở lên, hoặc đạt từ 200 điểm trở lên trong kỳ thi du học Nhật Bản (EJU), hoặc đạt trình độ giữa trung cấp đến thượng cấp trở lên trong kỳ thi kiểm định tiếng Nhật trong cuộc sống – năng lực làm việc (GNK).
- (4) Người đầy đủ sức khỏe về tinh thần và thể chất
- (5) Người về mặt kinh tế có thể đảm bảo việc học liên tục

2. Thời gian tuyển sinh

Du học sinh nước ngoài có nguyện vọng theo học ở trường, xin hãy đăng ký tuyển sinh theo lịch trình sau đây

| | Ngày xét tuyển | Thời gian đăng ký tuyển sinh |
|-------|------------------------------------|---|
| Năm 1 | Ngày 16 tháng 11 năm 2011 (thứ tư) | Ngày 1 tháng 11 năm 2011 (thứ ba) ~ Ngày 12 tháng 11 năm 2011 (thứ bảy) |
| Năm 2 | Ngày 30 tháng 11 năm 2011 (thứ tư) | Ngày 14 tháng 11 năm 2011 (thứ hai) ~ Ngày 26 tháng 11 năm 2011 (thứ bảy) |
| Năm 3 | Ngày 14 tháng 12 năm 2011 (thứ tư) | Ngày 28 tháng 11 năm 2011 (thứ hai) ~ Ngày 10 tháng 12 năm 2011 (thứ bảy) |
| Năm 4 | Ngày 18 tháng 1 năm 2012 (thứ tư) | Ngày 12 tháng 12 năm 2011 (thứ hai) ~ Ngày 14 tháng 1 năm 2012 (thứ bảy) |
| Năm 5 | Ngày 1 tháng 2 năm 2012 (thứ tư) | Ngày 16 tháng 1 năm 2011 (thứ hai) ~ Ngày 28 tháng 1 năm 2012 (thứ bảy) |
| Năm 6 | Ngày 15 tháng 2 năm 2012 (thứ tư) | Ngày 30 tháng 1 năm 2012 (thứ hai) ~ Ngày 10 tháng 2 năm 2012 (thứ sáu) |
| Năm 7 | Ngày 29 tháng 2 năm 2012 (thứ tư) | Ngày 13 tháng 2 năm 2012 (thứ hai) ~ Ngày 25 tháng 2 năm 2012 (thứ bảy) |
| Năm 8 | Ngày 13 tháng 3 năm 2012 (thứ tư) | Ngày 27 tháng 2 năm 2011 (thứ hai) ~ Ngày 9 tháng 3 năm 2012 (thứ sáu) |

3. Phương thức xét tuyển

Xét tuyển hồ sơ – Phỏng vấn (bằng tiếng Nhật) – Kỳ thi viết tiếng Nhật – Viết luận (trong vòng 600 ~ 800 chữ theo giấy mẫu)

※Thời gian xét tuyển được thông báo khi nộp hồ sơ tuyển sinh.

4. Thủ tục nộp hồ sơ đăng ký tuyển sinh

Xác nhận mục 1~15 của <Hồ sơ nộp khi đăng ký tuyển sinh> Hồ sơ đăng ký tuyển sinh thuộc mục 5 trang 9, và trong thời hạn đăng ký tuyển sinh, sau khi đã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, nộp lệ phí xét tuyển nhập học, trong trường hợp gửi bằng bưu điện phải gửi bằng hình thức gửi nhanh bảo đảm và sử dụng phong bì gửi do trường chỉ định (địa chỉ gửi đến Ban tuyển sinh Trường chuyên môn Nagoya về Khoa học tự nhiên – công việc, trường chuyên môn đào tạo Công chức - chăm sóc trẻ em – điều dưỡng – quản trị kinh doanh). Trường hợp cầm đến nộp, thí sinh dự tuyển hoặc người bảo lãnh đem đến nộp trực tiếp ở Ban tuyển sinh của nhà trường (Trong trường chuyên môn Nagoya về Khoa học tự nhiên – công việc) (không nhận hồ sơ ở trường chuyên môn đào tạo công chức – chăm sóc trẻ em – điều dưỡng – quản trị kinh doanh). Tuy nhiên, việc nộp lệ phí xét tuyển nhập học nhất thiết phải chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng (tuyệt đối không nhận trực tiếp tại phòng hướng dẫn của Ban tuyển sinh).

※Trước khi nộp hồ sơ, cần phải liên hệ với nhà trường.

<Địa điểm tiếp nhận> Số bưu điện 453 – 0014

1-1-4 Noritake, Nakamura-ku, thành phố Nagoya, tỉnh Aichi

Pháp nhân trường học Học viện Tachibana Trường chuyên môn đào tạo công chức – chăm sóc trẻ em – điều dưỡng – quản trị kinh doanh Ban tuyển sinh

(Tầng 2 Trong trường chuyên môn Nagoya về Khoa học tự nhiên- công việc)

Số điện thoại (miễn phí): 0120 – 159 – 672 (Có thể gọi từ số điện thoại di động · PHS)

<Thời gian tiếp nhận> 10 giờ sáng ~ 5 giờ chiều

5. Hồ sơ đăng ký tuyển sinh

<Hồ sơ nộp khi đăng ký tuyển sinh>

| | | |
|----|--|---|
| 1 | Đơn đăng ký tuyển sinh, Giấy cam kết | Mẫu chỉ định của trường ở trang 19 ~ 22 |
| 2 | Phiếu dán hình, Phiếu dự thi | Sau khi đã ghi xong các hạng mục cần thiết ở tập giấy dự thi A · B · C · D quy định của trường ở trang 26, thí sinh chuyển khoản lệ phí xét tuyển, là giấy có đóng dấu đã nộp tiền tại ngân hàng ※Chỉ nộp phiếu A · B |
| 3 | Bản chính, bản sao, và dịch tiếng Nhật Bằng chứng nhận tốt nghiệp của trường tốt nghiệp gần đây nhất ở nước sở tại | Bảng phát hành trong vòng 6 tháng trước khi đăng ký tuyển sinh. Bản chính được hoàn trả sau khi nhà trường đã xác nhận ※Trường hợp quốc tịch là Trung Quốc, cần nộp bản chính và bản sao Bằng chứng nhận tốt nghiệp |
| 4 | Bản chính và dịch tiếng Nhật Giấy chứng nhận thành tích học tập gần đây nhất tại Trường học nước sở tại | Giấy chứng nhận được phát hành trong vòng 6 tháng trước khi đăng ký tuyển sinh |
| 5 | Giấy chứng nhận hoàn thành (dự kiến hoàn thành) hoặc Bằng chứng nhận tốt nghiệp (dự kiến tốt nghiệp) của trường học tiếng Nhật tại Nhật Bản | Giấy chứng nhận được phát hành trong vòng 6 tháng trước khi đăng ký tuyển sinh ※Người theo học ở trường chuyên môn tại Nhật Bản cần nộp Bằng chứng nhận tốt nghiệp (dự kiến tốt nghiệp) của trường chuyên môn |
| 6 | Giấy chứng nhận thành tích – tỷ lệ đến lớp của trường học tiếng Nhật tại Nhật Bản | Giấy chứng nhận của tất cả học kỳ. Giấy chứng nhận thể hiện rõ tình trạng đến lớp học của mỗi học kỳ. Giấy phát hành trong vòng 3 tháng ※Tỷ lệ đến lớp học tốt là từ 90% trở lên ※Người theo học ở trường chuyên môn tại Nhật Bản cần nộp Giấy chứng nhận tỷ lệ đến lớp - thành tích của trường chuyên môn |
| 7 | Bản sao hộ chiếu | Nộp bản sao, sao chép toàn bộ các trang có chữ (không kể giấy trắng) của hộ chiếu |
| 8 | Bản sao Giấy đăng ký người nước ngoài | Nộp bản sao, sao chép 2 mặt của Giấy đăng ký người nước ngoài |
| 9 | 6 tấm hình <4cm X 3cm> | 6 tấm hình giống nhau, chụp chính diện, nửa phần trên, không đội nón, không phông nền (chụp hình trong vòng 3 tháng trước khi đăng ký tuyển sinh) ※Ở giấy đăng ký tuyển sinh và phiếu dán hình (tập phiếu dự thi A) dán mỗi giấy 1 tấm hình, 4 tấm hình còn lại bỏ vào trong phong bì ※Ở mặt sau của 6 tấm hình, ghi tên họ, ngành học theo nguyện vọng |
| 10 | Bản sao Giấy chứng nhận đậu kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) cấp 2 (N2) trở lên | Người thi đậu kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) cấp 2 (N2) trở lên cần nộp bản sao Giấy chứng nhận đã đậu ※Người dự kỳ thi năng lực tiếng Nhật cấp 1 (N1) trong trường hợp không đậu, cũng nộp bản sao giấy thông báo kết quả |
| 11 | Bản sao Giấy thông báo thành tích kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) | Người dự kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) nộp Bản sao Giấy thông báo thành tích |

| | | |
|----|---|--|
| 12 | Giấy tiến cử chỉ định dùng cho trường | Người có nguyện vọng nhập học bằng tiến cử từ trường chỉ định cần nộp. Sử dụng Giấy tiến cử chỉ định của trường ở trang 16, nộp Giấy tiến cử đã được thầy hiệu trưởng của trường chỉ định viết (Giấy phát hành trong vòng 6 tháng trước khi đăng ký tuyển sinh) |
| 13 | Giấy cam kết chi trả kinh phí | Mẫu giấy chỉ định của trường ở trang 25 ※Chính người chi trả kinh phí (ví dụ như người bảo lãnh,...) viết |
| 14 | Giấy chứng minh tình trạng chi trả kinh phí và dịch tiếng Nhật | Nộp Giấy chứng minh chuyển tiền, Bản sao sổ tài khoản đứng tên người đăng ký tuyển sinh có ghi rõ tình trạng chuyển tiền, v.v... |
| 15 | Giấy đăng ký tuyển sinh song song với trường khác | Mẫu giấy chỉ định của trường ở trang 24 (Chỉ có người có nguyện vọng dự thi tuyển sinh song song với trường đại học, cao học, trường đại học ngắn hạn, trường chuyên môn,... khác mới cần nộp) ※Tham khảo chế độ đăng ký tuyển sinh song song nhiều trường ở mục 6 trang 11 |

- ◆ Trong trường hợp người bảo lãnh là người Nhật, là người có thu nhập ổn định; hoặc trường hợp là người nước ngoài, là người vĩnh trú hoặc người ở Nhật trong một thời hạn cố định; hoặc trường hợp là vợ (chồng) của người Nhật, là người có thu nhập ổn định. Theo nguyên tắc không chấp nhận là người độc thân dưới 30 tuổi.
- ◆ Không hoàn trả hồ sơ đã nộp.
- ◆ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ khi đăng ký tuyển sinh, xin hãy thảo luận trước với nhà trường.
- ◆ Xin hãy chú ý có trường hợp khi nhập học yêu cầu nộp thêm hồ sơ bổ sung.
- ◆ Trong trường hợp nộp hồ sơ đăng ký tuyển sinh từ nước ngoài, thay đổi tư cách lưu trú, thì hồ sơ nộp sẽ thay đổi, vì vậy hãy trao đổi trước với nhà trường.

6. Về Chế độ đăng ký tuyển sinh song song nhiều trường

Thí sinh có nguyện vọng thi vào trường, đồng thời đăng ký tuyển sinh vào trường đại học, cao học khác (bao gồm cả nghiên cứu sinh dự bị), nộp đơn đăng ký tuyển sinh trong năm 2011 được trúng tuyển thi đầu tiên sẽ **nộp tiền nhập học**. Ngoài khoản tiền nhập học này, các khoản phí còn lại như học phí, v.v... được kéo dài thời gian nộp cho đến khi có thông báo kết quả thi đầu vào trường đại học khác. Trong trường hợp thí sinh nhập học vào trường đại học khác, nhà trường sẽ hoàn trả toàn bộ khoản tiền nhập học đã nộp. Còn sinh viên nhập học vào trường, ngoài khoản tiền nhập học đã thu sẽ chỉ phải nộp thêm khoản phí còn lại như học phí, v.v...

• Người có nguyện vọng đăng ký tuyển sinh song song nhiều trường tiến hành thủ tục theo như sau

① Người đăng ký tuyển sinh song song nhiều trường, khi nộp giấy đăng ký tuyển sinh cần điền vào giấy đăng ký tuyển sinh song song nhiều trường (trang 24), đóng dấu và nộp cho nhà trường.

② Người đã đăng ký tuyển sinh trong năm 2011, sau khi đã đậu vào trường chúng tôi, chỉ cần nộp tiền nhập học trong thời hạn quy định. Sau khi đã nộp tiền xong, sẽ được đăng ký với tư cách là người đã đậu vào trường, và **theo nguyên tắc quy định, ngoài khoản tiền nhập học này, các khoản phí còn lại như học phí,... được kéo dài thời gian nộp cho đến khi có thông báo kết quả thi vào trường đại học, cao học... khác <Thời hạn cuối: Ngày 26 tháng 3 năm 2012 (thứ hai)>**.

③ Người đã đậu vào trường đăng ký tuyển sinh song song, khi muốn bỏ nhập học trường chúng tôi, cần phải gửi giấy chứng minh đã đậu kèm theo “Đơn xin thôi nhập học” (mẫu quy định của trường). Sau khi xác nhận đã gửi “Đơn xin thôi nhập học”, sẽ tiến hành làm thủ tục hoàn trả tiền nhập học đã nộp khi đậu vào trường chúng tôi. Trường hợp không gửi “Đơn xin thôi nhập học”, sẽ được nhận định là sinh viên nhập học vào trường chúng tôi và tiến hành thủ tục nhập học.

④ Trường hợp đăng ký nhập học vào trường chúng tôi, xin hãy nhanh chóng liên lạc đến Ban nhập học (có thể liên hệ bằng điện thoại), và trong vòng 3 ngày cần chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng các khoản phí còn lại khác ngoài khoản tiền nhập học như học phí

⑤ Sau khi thi đậu vào trường chúng tôi, cho đến ngày thông báo kết quả thi vào trường đại học, cao học, khác <Kỳ hạn cuối: ngày 26 tháng 3 năm 2012 (thứ hai)>, có thể kéo dài thời gian làm thủ tục nhập học, nộp các khoản phí còn lại khác ngoài khoản tiền nhập học như học phí, tuy nhiên sau khi hoàn tất việc nộp phí nhà trường tiến hành cấp phép nhập học, vì vậy có thể có trường hợp số lượng người quy định còn lại ít, vì vậy tùy theo tình trạng khi đó nhà trường sẽ liên lạc đến sinh viên.

7. Lệ phí xét tuyển nhập học và cách thức nộp phí

| | | |
|---|----------------------------------|--|
| 1 | Lệ phí xét tuyển nhập học | 20.000 yên |
| 2 | Cách thức nộp lệ phí | a. Sau khi điền vào các hạng mục cần thiết trong tập phiếu dự thi A · B · C · D quy định của trường ở trang 22, xin hãy chuyển khoản vào tài khoản nhà trường chỉ định. b. Hồ sơ không đóng dấu đã nộp tiền vào ngân hàng sẽ không có hiệu lực. c. Lưu giữ Giấy chứng minh chuyển khoản (phiếu D) cẩn thận. Không gửi chung vào phong bì dùng để nộp đăng ký tuyển sinh. |

※ Không hoàn trả lệ phí đã đóng.

8. thông báo kết quả trúng tuyển

Từ ngày xét tuyển trong vòng 10 ngày, thông báo bằng văn bản đến thí sinh kết quả tuyển sinh. Không trả lời kết quả bằng điện thoại hoặc hỏi đáp trực tiếp (Hoàn toàn không thông báo ở bản thông báo của trường).

9. Thủ tục nhập học

Cho đến thời hạn chỉ định (7 ngày từ sau khi thông báo trúng tuyển), xin hãy nộp toàn bộ khoản tiền đóng trong năm đầu (toàn bộ học phí năm 1) và các chi phí.

※Trường hợp không nộp trong thời hạn quy định, sẽ bị xem là thôi nhập học

※Nhà trường sẽ cấp Giấy chứng nhận được phép nhập học sau khi đã nộp xong học phí.

※Theo nguyên tắc, không hoàn trả học phí đã nộp.

※Học phí năm thứ 2 cũng được nộp 1 lần trước khi lên năm thứ 2.

10. Gia hạn thời gian lưu trú

Sinh viên trúng tuyển và trường chúng tôi, theo nguyên tắc tất cả nhân viên của trường sẽ thay mặt nộp đơn xin gia hạn thời gian lưu trú.

Tham khảo

Hồ sơ cần thiết khi nộp đơn xin gia hạn thời gian lưu trú

<Hồ sơ nộp>

(1) Đơn xin cấp phép gia hạn thời gian lưu trú (5 tờ đơn mẫu theo chỉ định của Sở nhập quốc) (2) Bản sao Giấy cấp phép nhập học (phát hành sau khi nộp tiền học phí) của trường chuyên môn Công chức – chăm sóc trẻ em – điều dưỡng – quản trị kinh doanh Học viện Tachibana trường học pháp nhân (3) Hộ chiếu hoặc Giấy chứng minh đi nước ngoài (4) Bản sao Giấy đăng ký người nước ngoài (5) Giấy chứng minh tỷ lệ đến lớp học – thành tích của trường tiếng Nhật (từ khi nhập học cho đến khi tốt nghiệp) và Bằng chứng nhận tốt nghiệp ※Trong trường hợp sau khi nhập học vào trường có tỷ lệ đến lớp học không đạt, có trường hợp sẽ bị hủy cấp phép nhập học. (6) Ký tên vào giấy đã nộp phí (mẫu chỉ định của sở nhập quốc), và dán tem đã nộp phí (4.000 yên). ※Có thể nộp đơn xin phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú từ sau ngày 2 tháng 4.

Hồ sơ cần nộp khác

Chỉ trong trường hợp nhân viên thẩm tra của cục quản lý nhập quốc yêu cầu

11. Học phí

■Tiền nộp năm đầu tiên (dự kiến) trường chuyên môn Công chức – chăm sóc trẻ em – điều dưỡng – quản trị kinh doanh (ngành Thông tin kinh doanh quốc tế, ngành Phúc lợi xã hội)

Khoản tiền nộp trong năm đầu (Nhập học năm thứ 1 – Nhập học chuyên tiếp năm thứ 3)

| Ngành học - Khóa học | Tiền nhập học | Học phí (Khoản tiền 1 năm) | Phí bảo dưỡng cơ sở thiết bị | Tổng |
|--|--|----------------------------|------------------------------|-------------|
| Ngành Thông tin kinh doanh quốc tế Khóa học thông dịch tiếng Nhật Ngành Phúc lợi xã hội Khóa học Phúc lợi kinh tế Khóa học chăm sóc trẻ em Khóa học Phúc lợi xã hội Khóa học Giáo dục học Khóa học Tâm lý học | 100.000 yên ※Người nhập học được tiến cử từ trường quy định đăng ký tuyển sinh vào năm 2011, được miễn trừ tiền nhập học. | 632.000 yên | 45.000 yên | 777.000 yên |

※Dự kiến năm 2012

※Tiền nhập học chỉ cần trong năm đầu tiên

※Khi nộp học phí, cần nộp theo quy định ghi trong Giấy yêu cầu chuyển khoản chỉ định gửi đến. Giấy nhận tiền chuyển khoản của Giấy yêu cầu chuyển khoản (bao gồm cả lệ phí) chính là biên nhận đã nộp tiền của nhà trường, vì vậy xin hãy cất giữ cẩn thận.

※Ngoài tiền học phí ghi trên, cũng cần nộp tất cả các phí khác.

※Sách giáo khoa được mua bằng tiền mặt sau khi đã nhập học.

※Khi làm thủ tục nhập học, dù bất kỳ lý do nào cũng không hoàn trả hồ sơ, lệ phí xét tuyển, tiền nhập học, v.v... đã nộp cho nhà trường.

Tuy nhiên, cho đến ngày 31 tháng 3 năm 2012 (thứ bảy), đối với người nộp đơn xin thôi nhập học ngoài khoản tiền nhập học, sẽ được hoàn trả học phí

■Về khoản tiền nộp của Khóa học Giáo dục thông tin trường Đại học Phúc lợi Tokyo năm đầu tiên, ngành Phúc lợi xã hội, ngành Thông tin kinh doanh quốc tế

Đối với người nhập học vào ngành Thông tin kinh doanh quốc tế, ngành Phúc lợi xã hội, cần nộp khoản tiền riêng theo quy định của Khóa học Giáo dục thông tin trường Đại học Phúc lợi Tokyo

Nhập học năm thứ 1

| Đại học Phúc lợi Tokyo BA Khóa học Giáo dục thông tin | Tiền nhập học | Học phí (khoản tiền 1 năm) | Học phí lớp học tại trường (khoản tiền đóng năm đầu) | Tổng cộng |
|--|---------------|----------------------------|--|-------------|
| | 9.000 yên | Miễn giảm | 97.000 yên ※Có thể thay đổi tùy theo môn học | 106.000 yên |

Nhập học chuyển tiếp năm thứ 3 (Liên quan đến trường hợp ở ngành Phúc lợi xã hội, nhưng học song song với ngành chăm sóc trẻ em Khoa Phúc lợi xã hội trường Đại học Phúc lợi Tokyo, nhập học chuyển tiếp vào năm thứ 2, nhập học chuyển tiếp vào năm thứ 4, xin hãy liên hệ hướng dẫn với nhà trường)

| Đại học Phúc lợi Tokyo BA Khóa học Giáo dục thông tin | Tiền nhập học | Học phí (khoản tiền 1 năm) | Học phí lớp học tại trường (khoản tiền đóng năm đầu) | Tổng cộng |
|--|---|----------------------------|--|-------------|
| | 58.000 yên bao gồm phí nhập học chuyển tiếp 40,000 yên | 149.000 yên | 97.000 yên ※Có thể thay đổi tùy theo môn học | 304.000 yên |

※**Học phí lớp học tại trường là ví dụ về khoản tiền đóng của Khoa Giáo dục (Thay đổi theo khóa học)**

※Dự kiến năm 2012

※Ngoài khoản tiền nộp năm đầu tiên ở Khóa học Giáo dục thông tin trường Đại học Phúc lợi Tokyo như ghi trên, đồng thời nhà trường yêu cầu nộp thêm lệ phí xét tuyển, chi phí khi nhập học Đại học Phúc lợi Tokyo là 47.940 yên (dự kiến).

※Học phí Đại học Phúc lợi Tokyo từ năm thứ 2 trở đi, mỗi năm là 153.440 yên (dự kiến).

※Ngoài tiền học phí đại học năm đầu tiên như ghi trên, các chi phí liên quan đến đăng ký giờ học cần nộp riêng (mỗi năm) sau khi nhập học.

※Học phí – chi phí có sự thay đổi theo mỗi năm

※Với bất kỳ lý do nào cũng không hoàn trả hồ sơ, lệ phí xét tuyển, tiền nhập học, v.v... đã nộp. Tuy nhiên, đối với người nộp đơn xin thôi nhập học cho đến thời hạn ngày 31 tháng 3 năm 2012 (thứ bảy), thì ngoài tiền nhập học, nhà trường sẽ hoàn trả học phí

※Xin hãy liên hệ hướng dẫn về việc nhập học tiến cử từ trường chỉ định.

| Tổng số tiền | Nhập học năm thứ 1 | Nhập học chuyển tiếp năm thứ 3 |
|--------------|--------------------|--------------------------------|
| | 883.000 yên | 1.081.000 yên |

Đối với người nộp 1 lần số tiền năm đầu tiên sẽ được miễn giảm 50.000 yên.

| Nộp 1 lần tiền thu năm đầu tiên | Nhập học năm thứ 1 | Nhập học chuyển tiếp năm thứ 3 |
|---------------------------------|--------------------|--------------------------------|
| | 833.000 yên | 1.031.000 yên |

Thí sinh đăng ký tuyển sinh trong năm 2011, trúng tuyển trong trường hợp được tiến cử từ trường chỉ định, nhập học vào tháng 4 năm 2012 (nhập học chuyển tiếp năm thứ 3 – nhập học năm thứ 1), thì tiền nhập học của trường chuyên môn sẽ được xem như phần học bổng và được miễn giảm!! Ngoài ra, người nộp 1 lần khoản tiền nộp năm đầu tiên cũng được miễn giảm 50.000 yên

| | Nhập học năm thứ 1 | Nhập học chuyển tiếp năm thứ 3 |
|---|--------------------|--------------------------------|
| Tổng số tiền sau khi miễn giảm tiền đóng trong trường hợp đăng ký tuyển sinh trong năm 2011 từ trường chỉ định và trúng tuyển | 783.000 yên | 981.000 yên |
| Nộp 1 lần khoản tiền nộp năm đầu tiên | 733.000 yên | 931.000 yên |

※Ví dụ Khóa học Giáo dục học Ngành học Phúc lợi xã hội (thay đổi tùy theo khóa học)

Điểm lưu ý khi viết Đơn đăng ký nhập học (Ví dụ mẫu)

※ Sử dụng bút máy hoặc bút bi màu đen, điền mẫu đơn rõ ràng chính xác

※ Khi bị sai, không dùng bút xóa, mà gạch 2 vạch lên chỗ sai để xóa, đóng dấu đã sửa, và ghi nội dung đúng vào.

※ Địa chỉ cần ghi chính xác tên tòa nhà.

| | | | | |
|---|--|--|-------------------------|---|
| 公務員・保育・介護・ビジネス専門学校 校長 殿 国際ビジネス情報学科 社会福祉学科 入学願書 Application for Admission | | 希望選考日 Examination Date of your choice | 年 月 日 Year Month Day | 本人記載 To be filled in by Applicant |
| 志望学科・コース Division・Course of your choice | | コード番号 Code Number | | |
| 志望入学年次 Admission Grade | | 1年次入学 ・ 2年次編入学 ・ 3年次編入学 ・ 4年次編入学 | | |
| 氏名 Name in Full | | 写真 Photo 4cm×3cm | | |
| フリガナ 日本語 (漢字) In Japanese 英語 In English (As in Passport) | | | | |
| 生年月日 Date of Birth | | 年 月 日 (才) Year Month Day Age | | |
| 婚姻の有無 Marital Status | | M 有 S 無 Married Single 性別 Sex 男 女 Male Female | | |
| 国籍 Nationality | | 出生地 Place of Birth | | |
| 本国の住所 Home Address | | Tel. | | |
| 現住所 Present Address | | Tel. | | |
| 携帯電話・PHS Mobile Phone・PHS | | 他大学の大学院等との併願希望? Will you apply for other schools, too? | | |
| Eメールアドレス PC | | Eメールアドレス 携帯電話 Email Address (Mobile Phone) | | |
| 職業 Occupation | | 有効期限 Valid Until | | |
| 族券番号 Passport No. | | 年 月 日 Year Month Day | | |
| 査証 Visa Status | | 外国人登録番号 Alien Reg. No. | | |
| 来日歴 Previous Stay in Japan | | 在留資格 Status | | |
| 入学希望理由 Purpose of Study | | 在留期間 Period of Stay | | |
| 本校卒業後の予定 Specific Plan after Graduation | | 年 月 日 ~ 年 月 日 Year Month Day ~ Year Month Day | | |
| 保証人氏名 (フリガナ) Guarantor's Name | | 年 月 日 ~ 年 月 日 Year Month Day ~ Year Month Day | | |
| 保証人住所 Guarantor's Address | | Tel. | | |

Hãy ghi ngày xét tuyển nguyện vọng.

Xem ngành học tuyển sinh・thời gian học ở trang 3, ghi mã số của ngành học theo nguyện vọng. Hãy khoanh tròn vào năm nhập học theo nguyện vọng.

Hãy dán hình giống hình dán ở phiếu hình (tập phiếu dự thi A) ở trang 26

Hãy ghi là sinh viên trong trường hợp thí sinh là sinh viên

Hãy điền chính xác, trên cơ sở xác nhận nội dung ở hộ chiếu, Giấy đăng ký người nước ngoài,

Điểm lưu ý khi viết Giấy cam kết (Ví dụ mẫu)

- ※ Sử dụng bút máy hoặc bút bi màu đen, điền mẫu đơn rõ ràng chính xác
- ※ Khi bị sai, không dùng bút xóa, mà gạch 2 vạch lên chỗ sai để xóa, đóng dấu đã sửa, và ghi nội dung đúng vào.
- ※ Địa chỉ cần ghi chính xác tên tòa nhà.

Mặt sau của Đơn đăng ký tuyển sinh

誓 約 書
Oath

ねん 年 がつ 月 じち 日
Year Month Day

公務員・保育・介護・ビジネス専門学校
校長 殿

しぼうがっか
志望学科・
コース
Division・
Course of
your choice _____

ほんにん
本人
Name in full 氏名 _____ いん

せいねんがっぴ
生年月日
Date of Birth _____

こくせき
国籍
Nationality _____

ほごしよ
保護者
(保証人) 住所
Guarantor's Address _____

しめい
氏名
Name in full _____ いん

にがくしがんさい かきとおせいやくいた
入学志願に際し、下記の通り誓約致します。

1. 入学願書に記載の事項はすべて事実と相違ありません。
2. 入学の上は貴校の学則を守り、真面目に勉強に励みます。
3. 私の個人情報については、貴校の個人情報保護基本方針に則り、適切に活用されることに同意いたします。
4. 学費を滞納した場合または出席率が悪い場合は除籍されても異議ありません。
5. 学則に違反した場合は退学処分を受けても異議ありません。

いじょう
以上

注：本人・保護者（保証人）はそれぞれ各自で署名・捺印のこと（印鑑のない方は署名のみで可）。

Đừng quên ghi ngày tháng điền đơn

Hãy đóng dấu (Có thể ghi tên nếu không có con dấu)

Cột địa chỉ-họ tên của người bảo hộ (người bảo lãnh) do chính người bảo hộ (Người bảo lãnh) ghi. Hãy đóng dấu (khác với dấu của thí sinh) (Có thể ghi tên nếu không có con dấu)

Điểm lưu ý khi viết Đơn đăng ký nhập học (Tờ thứ 2 – mặt trước) (Ví dụ mẫu)

- ※Sử dụng bút máy hoặc bút bi màu đen, điền mẫu đơn rõ ràng chính xác
- ※Khi bị sai, không dùng bút xóa, mà gạch 2 vạch lên chỗ sai để xóa, đóng dấu đã sửa, và ghi nội dung đúng vào.
- ※Địa chỉ cần ghi chính xác tên tòa nhà.

Mặt trước

| がく 学 歴 Educational Background | がっこうめいおよ しょうじち 学校名及び所在地 Name of School Location of School | にゅうがくねんがっぴ およ そつぎねんがっぴ 入学年月日及び卒業年月日 Date of Entrance Date of Graduation |
|--|--|--|
| しょうとうきょうい 初等教育 Elementary Education | がっこうめい 学校名 | ねん がつにゅうがく 年 月入学 From : Year Month |
| | しょうじち 所在地 | ねん がつそつぎよう 年 月卒業 To : Year Month |
| ちゅうとうきょうい 中等教育 Secondary Education | がっこうめい 学校名 | ねん がつにゅうがく 年 月入学 From : Year Month |
| | しょうじち 所在地 | ねん がつそつぎよう 年 月卒業 To : Year Month |
| こうとうきょうい 高等教育 Higher Education | がっこうめい 学校名 | ねん がつにゅうがく 年 月入学 From : Year Month |
| | しょうじち 所在地 | ねん がつそつぎよう 年 月卒業 To : Year Month |
| だいがくきょうい 大学教育 College Education | がっこうめい 学校名 | ねん がつにゅうがく 年 月入学 From : Year Month |
| | しょうじち 所在地 | ねん がつそつぎよう 年 月卒業 To : Year Month |

Không ghi tên trường dạng viết tắt, phải ghi đầy đủ. Ghi chính xác ngày nhập học và ngày tốt nghiệp.

しよくれき ふくへいえき 職歴 (含兵役) Work Experience (including military service)

| しよくばめい 職場名 Name of Company or Employer | しよくしゅ 職種 Type of Business | しよざいち 所在地 Location | きんむきかん 勤務期間 Period |
|--|---------------------------------|--------------------------|--|
| | | | ねん がつ 年 月から From : Year Month ねん がつ 年 月まで To : Year Month |
| | | | ねん がつ 年 月から From : Year Month ねん がつ 年 月まで To : Year Month |

Không cần ghi nếu không có kinh nghiệm làm việc hoặc nhập ngũ.

にほんご がくしゅうれき 日本語学習歴 Japanese Language Coursework

| がっこう (がくしゅめい) 学校 (教師名) Institution (Name of Teacher) | しよざいち 所在地 Location | がくしゅうきかん 学習期間 Period |
|--|--------------------------|--|
| | | ねん がつ 年 月から From : Year Month ねん がつ 年 月まで To : Year Month |
| | | ねん がつ 年 月から From : Year Month ねん がつ 年 月まで To : Year Month |

Ghi tên trường tiếng Nhật và tên giáo viên trường tiếng Nhật đã theo học vào cột Tên trường(tên giáo viên). Ghi địa chỉ của trường tiếng Nhật, và ghi chính xác thời gian theo học.

Điền lưu ý khi viết Đơn đăng ký nhập học (Tờ thứ 2 – mặt sau) (Ví dụ mẫu)

※Sử dụng bút máy hoặc bút bi màu đen, điền mẫu đơn rõ ràng chính xác

※Khi bị sai, không dùng bút xóa, mà gạch 2 vạch lên chỗ sai để xóa, đóng dấu đã sửa, và ghi nội dung đúng vào.

※Địa chỉ cần ghi chính xác tên tòa nhà.

Mặt sau

かぞく じょうきょう Family
 家族の状況 Family

| 氏名 Name in Full | 続柄 Relationship | 年齢 Age | 職業 Occupation | 住所 Address | 電話 Telephone |
|--------------------|--------------------|-----------|------------------|---------------|-----------------|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

がくふ みたんしゃ
 学費負担者 Person Responsible for Your Fees

| | |
|--------------------|------------------------|
| 氏名 Name in Full | 本人との関係 Relationship |
| 住所 Address | Tel. |
| 職業 Occupation | |

にほん じんせき ちゆう
 日本での親戚、知友 Relatives, Friends in Japan

| 氏名 Name in Full | 関係 Relationship | 年齢 Age | 職業 Occupation | 住所 Address | 電話 Telephone |
|--------------------|--------------------|-----------|------------------|---------------|-----------------|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

じょうき とお そうい にやうがく ちゆう こ
 上記の通り相違なく、入学を申し込みます。
 I hereby declare the above statement is true and correct and apply for admission.

ひづけ 20 ねん がつ にち
 Date : _____ Year Month Day

ほんじんしよめい
 本人署名
 Signature : _____

Ghi chính xác vào các cột tên người trong gia đình, quan hệ, tuổi, nghề nghiệp và địa chỉ

Ghi chính xác vào các cột tên người chịu trách nhiệm chi trả học phí, nghề nghiệp và địa chỉ

Không cần ghi nếu không có gia đình hoặc bạn bè tại Nhật

Đừng quên ghi ngày tháng và chữ ký của người làm đơn.

公務員・保育・介護・ビジネス専門学校

校長 殿

こくさい じょうほうがっ か
国際ビジネス情報学科

しゃかいふくしがっ か
社会福祉学科

にゅう がく がん しょ
入学願書

Application for Admission

ひ づけ
日付/Date

がくせきばんごう
学籍番号/I.D.No.

うけつけばんごう
受付番号/Application No.

| | | | | |
|---|--------------|---------------|-------------|--|
| き ぼうせんこう び 希望選考日 Examination Date of your choice | ねん 年 Year | がつ 月 Month | にち 日 Day | ほんにん き さい 本人記載 To be filled in by Applicant |
|---|--------------|---------------|-------------|--|

※P7 募集期間を参照

| | | | | |
|---|--|---------------------|--|----------------------------------|
| し ぼう が っ か 志望学科・コース Division・Course of your choice | | | | ばんごう コード番号 Code Number |
| し ぼう に ゑう が く ねん じ 志望入学年次 Admission Grade | ねん じ に ゑう が く 1 年 次 入 学 ・ ねん じ へん に ゑう が く 2 年 次 編 入 学 ・ ねん じ へん に ゑう が く 3 年 次 編 入 学 ・ ねん じ へん に ゑう が く 4 年 次 編 入 学 | | | |
| し めい 氏 名 Name in Full | に ほん 語 かん じ 日本語 (漢字) In Japanese | | | しや しん 写 真 Photo 4cm×3cm |
| | フリガナ | | | |
| | えい 語 英語 In English (As in Passport) | | | |
| | | | | |
| せいねんがっ び 生年月日 Date of Birth | ねん 年 Year | がつ 月 Month | にち 日 Day | (さい 才) Age |
| こんいん う む 婚姻の有無 Marital Status | M 有 S 無 Married Single | せい べつ 性 別 Sex | おと 男 Male | めい 女 Female |
| こく せき 国 籍 Nationality | しゅうせい ち 出生地 Place of Birth | | | |
| ほんこく じゅうしょ 本国の住所 Home Address | 〒 | | | Tel. |
| げん じゅう しょ 現 住 所 Present Address | 〒 | | | Tel. |
| けいたいでんわ 携帯電話・PHS Mobile Phone・PHS | | | た だいがく だいがくいんとう 他の大学・大学院等との併願希望 Will you apply for other schools, too? | あり なし 有・無 Yes No |
| Eメールアドレス PC E-mail Address (PC) | Eメールアドレス 携帯電話 E-mail Address (Mobile Phone) | | | |

| | | | | |
|--|---|------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|
| しやく ぎやう 職 業 Occupation | | | | |
| りょけんばんごう 旅券番号 Passport No. | ゆうこう き げん 有効期限 Valid Until | | | |
| かい じゅう 査 証 Visa Status | がいこくじんとうろくばんごう 外国人登録番号 Alien Reg. No. | | | |
| らい じち れき 来 日 歴 Previous Stay in Japan | にゅう こく び 入 国 日 Date of Entry | ざいりゅう し かく 在留資格 Status | ざいりゅう き かん 在留期間 Period of Stay | |
| | ねん がつ 日 年 月 日 Year Month Day | | ねん がつ 日 年 月 日 Year Month Day | ねん がつ 日 年 月 日 Year Month Day |
| | ねん がつ 日 年 月 日 Year Month Day | | ねん がつ 日 年 月 日 Year Month Day | ねん がつ 日 年 月 日 Year Month Day |
| にゅうがくき ぼうり ゆう 入学希望理由 Purpose of Study | | | | |
| ほんごうそつぎようご よてい 本校卒業後の予定 Specific Plan after Graduation | | | | |
| ほしょうにん し めい 保証人氏名 (フリガナ) Guarantor's Name | 〒 | | | |
| ほしょうにん じゅうしょ 保証人住所 Guarantor's Address | 〒 | | | Tel. |

せい やく しょ
誓 約 書

Oath

ねん がつ にち
年 月 日
Year Month Day

公務員・保育・介護・ビジネス専門学校
校長 殿

しぼうがつか
志望学科・
コース
Division・
Course of
your choice _____

ほんにん
本人
Name in full 氏名 _____ (印)

せいねんがっぴ
生年月日
Date of Birth _____

こくせき
国籍
Nationality _____

ほごしや
保護者
(保証人) 住所
Guarantor's Address _____

しめい
氏名
Name in full _____ (印)

- にゅうがくし がん さい か き とお せいやくいた
入学志願に際し、下記の通り誓約致します。
1. 入学願書に記載の事項はすべて事実と相違ありません。
 2. 入学の上は貴校の学則を守り、真面目に勉強に励みます。
 3. 私の個人情報については、貴校の個人情報保護基本方針に則り、適切に活用されることに同意いたします。
 4. 学費を滞納した場合または出席率が悪い場合は除籍されても異議ありません。
 5. 学則に違反した場合は退学処分を受けても異議ありません。

いじょう
以上

ちやう ほんにん ほごしや ほしやうにん
注：本人・保護者（保証人）はそれぞれ各自で署名・捺印のこと（印鑑のない方は署名のみで可）。

| がく 歴 Educational Background | がっこうめいおよ しょざい ち 学校名及び所在地 Name of School Location of School | にゅうがくねんがっ び およ そつぎょうねんがっ び 入学年月日及び卒業年月日 Date of Entrance Date of Graduation |
|--|---|--|
| しょとうきょういく 初等教育 Elementary Education | がっこうめい 学校名 | ねん がつ 年 月 From : Year Month |
| | しょざい ち 所在地 | ねん がつ 年 月 To : Year Month |
| ちゅうとうきょういく 中等教育 Secondary Education | がっこうめい 学校名 | ねん がつ 年 月 From : Year Month |
| | しょざい ち 所在地 | ねん がつ 年 月 To : Year Month |
| こうとうきょういく 高等教育 Higher Education | がっこうめい 学校名 | ねん がつ 年 月 From : Year Month |
| | しょざい ち 所在地 | ねん がつ 年 月 To : Year Month |
| だいがくきょういく 大学教育 College Education | がっこうめい 学校名 | ねん がつ 年 月 From : Year Month |
| | しょざい ち 所在地 | ねん がつ 年 月 To : Year Month |

しよくれき ふくむへいえき
職歴 (含兵役) Work Experience (including military service)

| しよく ば めい 職 場 名 Name of Company or Employer | しよく しゆ 職 種 Type of Business | しょ ざい ち 所 在 地 Location | きん む き かん 勤 務 期 間 Period |
|--|--------------------------------------|------------------------------|--|
| | | | ねん がつ 年 月 From : Year Month ねん がつ 年 月 To : Year Month |
| | | | ねん がつ 年 月 From : Year Month ねん がつ 年 月 To : Year Month |

にほんご がくしゅうれき
日本語学習歴 Japanese Language Coursework

| がっ こう きょうしめい 学 校 (教師名) Institution (Name of Teacher) | しょ ざい ち 所 在 地 Location | がくしゅう きかん 学習期間 Period |
|--|------------------------------|--|
| | | ねん がつ 年 月 From : Year Month ねん がつ 年 月 To : Year Month |
| | | ねん がつ 年 月 From : Year Month ねん がつ 年 月 To : Year Month |

かぞく じょうきょう
家族の状況 Family

| し 氏 めい 名 Name in Full | ぞく 続 がら 柄 Relationship | ねん 年 れい 齢 Age | しよく 職 ぎよう 業 Occupation | じゆう 住 しょ 所 Address | でん 電 わ 話 Telephone |
|-----------------------------|------------------------------|---------------------|------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

がくひ ふたんしゃ
学費負担者 Person Responsible for Your Fees

| | |
|------------------------------|-------------------------------------|
| し 氏 めい 名 Name in Full | ほんにん 本人との関係 かんけい Relationship |
| じゆう 住 しょ 所 Address | 〒 Tel. |
| しよく 職 ぎよう 業 Occupation | |

にほん 日本での親戚、知友
しんせき ちゆう
Relatives, Friends in Japan

| し 氏 めい 名 Name in Full | かん 関 けい 係 Relationship | ねん 年 れい 齢 Age | しよく 職 ぎよう 業 Occupation | じゆう 住 しょ 所 Address | でん 電 わ 話 Telephone |
|-----------------------------|------------------------------|---------------------|------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

じゆうき とお せうい じゆうがく もう こ
上記の通り相違なく、入学を申し込みます。

I hereby declare the above statement is true and correct and apply for admission.

ひ づけ 20 ねん がつ 日に
Date : _____ Year _____ Month _____ Day

ほんにんしよめい
本人署名
Signature : _____

推 薦 書

Recommendation Form

公務員・保育・介護・ビジネス専門学校
校長 殿

| | | | |
|-------|---|-------|-----|
| ※受付日 | 年 | 月 | 日 |
| ※受験番号 | | | |
| 20 | 年 | 月 | 日 |
| Year | | Month | Day |

(推薦者)

所在地 _____
The address of the school

学校名 _____
The name of the school

校長名 _____ (印)
The name of the president

下記の者は、貴校の合格の基準に該当すると認め、ここに推薦いたします。
We admit the person below satisfies the standard of your school, and We'd like to recommend to your school.

| | | |
|--|-----------|--|
| フリガナ | 性別 Sex | Date of birth 19 年 月 日生 Year Month Day |
| 氏名 Name of Applicant | | 年 月卒業・卒業見込 Year Month graduated・Will graduate |
| 〒 | | |
| 現住所 Address of Applicant | TEL. | () |
| ①学習態度 Learning attitude | | |
| ②健康状態 Health Condition | | |
| ③人物 Personality | | |
| ④出欠状況 Attendance | | |
| 総合所見 Overall assessment | | |
| 記載責任者 The person responsible for the form | | (印) |

Please don't write anything in ※.

へい がん しん せい しょ 併 願 申 請 書

Application Form Applying to More than One School

公務員・保育・介護・ビジネス専門学校
校長 殿

| | | | |
|-----------------------------------|---------|---------|---------|
| ※ 受付日 <small>うけつけび</small> | ねん 年 | がつ 月 | にち 日 |
| ※ 受験番号 <small>じゅけんばんごう</small> | | | |
| 20 | ねん 年 | がつ 月 | にち 日 |
| | Year | Month | Day |

志望学科・
コース

Division・Course
of your choice

氏 名

Name of Applicant



保護者
(保証人) 氏名

Name of Guardian



私は下記の他の大学・大学院・短期大学・専門学校を受験するため、貴校の完全併願制度の適用を希望いたします。
なお、他の大学・大学院・短期大学・専門学校合格の場合は、ただちに必ず連絡いたします。

I'd like to apply to your school and also other schools. In case I pass other schools, I'll immediately inform you.

き 記

| 受験予定大学・大学院・短期大学・専門学校名 <small>じゅけんよていだいがく だいがくいん たんきだいがく せんもんがっこうめい</small> The name of graduate school, university, college, and vocational school to apply | 合格発表日 <small>ごうかくほっぴょうび</small> Result Announcement Day | | | |
|--|--|---|---|--|
| <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 33%; text-align: center;"> <small>だい がく</small> 大 学 <small>だい がく いん</small> 大 学 院 <small>たんきだいがく</small> 短期大学 <small>せんもんがっこう</small> 専門学校 The name of school </td> <td style="width: 33%; text-align: center;"> <small>がく ぶ</small> 学 部 <small>けんきゅうか</small> 研究科 Faculty </td> <td style="width: 33%; text-align: center;"> <small>がつか</small> 学 科 <small>せんこう</small> 専攻 Division・Course </td> </tr> </table> | <small>だい がく</small> 大 学 <small>だい がく いん</small> 大 学 院 <small>たんきだいがく</small> 短期大学 <small>せんもんがっこう</small> 専門学校 The name of school | <small>がく ぶ</small> 学 部 <small>けんきゅうか</small> 研究科 Faculty | <small>がつか</small> 学 科 <small>せんこう</small> 専攻 Division・Course | <small>せいれき</small> 西 曆 ねん がつ にち Year Month Day |
| <small>だい がく</small> 大 学 <small>だい がく いん</small> 大 学 院 <small>たんきだいがく</small> 短期大学 <small>せんもんがっこう</small> 専門学校 The name of school | <small>がく ぶ</small> 学 部 <small>けんきゅうか</small> 研究科 Faculty | <small>がつか</small> 学 科 <small>せんこう</small> 専攻 Division・Course | | |
| <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 33%; text-align: center;"> <small>だい がく</small> 大 学 <small>だい がく いん</small> 大 学 院 <small>たんきだいがく</small> 短期大学 <small>せんもんがっこう</small> 専門学校 The name of school </td> <td style="width: 33%; text-align: center;"> <small>がく ぶ</small> 学 部 <small>けんきゅうか</small> 研究科 Faculty </td> <td style="width: 33%; text-align: center;"> <small>がつか</small> 学 科 <small>せんこう</small> 専攻 Division・Course </td> </tr> </table> | <small>だい がく</small> 大 学 <small>だい がく いん</small> 大 学 院 <small>たんきだいがく</small> 短期大学 <small>せんもんがっこう</small> 専門学校 The name of school | <small>がく ぶ</small> 学 部 <small>けんきゅうか</small> 研究科 Faculty | <small>がつか</small> 学 科 <small>せんこう</small> 専攻 Division・Course | <small>ねん がつ にち</small> Year Month Day |
| <small>だい がく</small> 大 学 <small>だい がく いん</small> 大 学 院 <small>たんきだいがく</small> 短期大学 <small>せんもんがっこう</small> 専門学校 The name of school | <small>がく ぶ</small> 学 部 <small>けんきゅうか</small> 研究科 Faculty | <small>がつか</small> 学 科 <small>せんこう</small> 専攻 Division・Course | | |
| <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 33%; text-align: center;"> <small>だい がく</small> 大 学 <small>だい がく いん</small> 大 学 院 <small>たんきだいがく</small> 短期大学 <small>せんもんがっこう</small> 専門学校 The name of school </td> <td style="width: 33%; text-align: center;"> <small>がく ぶ</small> 学 部 <small>けんきゅうか</small> 研究科 Faculty </td> <td style="width: 33%; text-align: center;"> <small>がつか</small> 学 科 <small>せんこう</small> 専攻 Division・Course </td> </tr> </table> | <small>だい がく</small> 大 学 <small>だい がく いん</small> 大 学 院 <small>たんきだいがく</small> 短期大学 <small>せんもんがっこう</small> 専門学校 The name of school | <small>がく ぶ</small> 学 部 <small>けんきゅうか</small> 研究科 Faculty | <small>がつか</small> 学 科 <small>せんこう</small> 専攻 Division・Course | <small>ねん がつ にち</small> Year Month Day |
| <small>だい がく</small> 大 学 <small>だい がく いん</small> 大 学 院 <small>たんきだいがく</small> 短期大学 <small>せんもんがっこう</small> 専門学校 The name of school | <small>がく ぶ</small> 学 部 <small>けんきゅうか</small> 研究科 Faculty | <small>がつか</small> 学 科 <small>せんこう</small> 専攻 Division・Course | | |
| <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 33%; text-align: center;"> <small>だい がく</small> 大 学 <small>だい がく いん</small> 大 学 院 <small>たんきだいがく</small> 短期大学 <small>せんもんがっこう</small> 専門学校 The name of school </td> <td style="width: 33%; text-align: center;"> <small>がく ぶ</small> 学 部 <small>けんきゅうか</small> 研究科 Faculty </td> <td style="width: 33%; text-align: center;"> <small>がつか</small> 学 科 <small>せんこう</small> 専攻 Division・Course </td> </tr> </table> | <small>だい がく</small> 大 学 <small>だい がく いん</small> 大 学 院 <small>たんきだいがく</small> 短期大学 <small>せんもんがっこう</small> 専門学校 The name of school | <small>がく ぶ</small> 学 部 <small>けんきゅうか</small> 研究科 Faculty | <small>がつか</small> 学 科 <small>せんこう</small> 専攻 Division・Course | <small>ねん がつ にち</small> Year Month Day |
| <small>だい がく</small> 大 学 <small>だい がく いん</small> 大 学 院 <small>たんきだいがく</small> 短期大学 <small>せんもんがっこう</small> 専門学校 The name of school | <small>がく ぶ</small> 学 部 <small>けんきゅうか</small> 研究科 Faculty | <small>がつか</small> 学 科 <small>せんこう</small> 専攻 Division・Course | | |
| <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 33%; text-align: center;"> <small>だい がく</small> 大 学 <small>だい がく いん</small> 大 学 院 <small>たんきだいがく</small> 短期大学 <small>せんもんがっこう</small> 専門学校 The name of school </td> <td style="width: 33%; text-align: center;"> <small>がく ぶ</small> 学 部 <small>けんきゅうか</small> 研究科 Faculty </td> <td style="width: 33%; text-align: center;"> <small>がつか</small> 学 科 <small>せんこう</small> 専攻 Division・Course </td> </tr> </table> | <small>だい がく</small> 大 学 <small>だい がく いん</small> 大 学 院 <small>たんきだいがく</small> 短期大学 <small>せんもんがっこう</small> 専門学校 The name of school | <small>がく ぶ</small> 学 部 <small>けんきゅうか</small> 研究科 Faculty | <small>がつか</small> 学 科 <small>せんこう</small> 専攻 Division・Course | <small>ねん がつ にち</small> Year Month Day |
| <small>だい がく</small> 大 学 <small>だい がく いん</small> 大 学 院 <small>たんきだいがく</small> 短期大学 <small>せんもんがっこう</small> 専門学校 The name of school | <small>がく ぶ</small> 学 部 <small>けんきゅうか</small> 研究科 Faculty | <small>がつか</small> 学 科 <small>せんこう</small> 専攻 Division・Course | | |

(Notes)

1. Must submit this form at application. (In case you submit this after application, it's not accepted.)
2. The form without stamps (The one of applicant and guardian must be different from each other) and the names of schools will be invalid.
3. If you apply to more than 5 schools, please photocopy the form and write them down.
4. The final due day is March 26th (Mon), 2012.

Please Don't write anything in ※.

けいひしべんせいやくしょ 経費支弁誓約書

Pledge for Payment

I, (Name of Country) (Name of Financial Guarantor), hereby agree
 わたしは、 くにじん の日本国在留中の学費・

to bear the school fees and expenses for the applicant's stay in Japan.

生活費等の経費に関して、下記のとおり責任をもって支弁することを誓約致します。

When applying for renewal of the applicant's visa, a copy of the following documents must be submitted:

なお、在留期間更新申請等の際に、送金証明書又は本人名義の預金通帳（送金事実が記載されたも

- Certificates proving transference of funds

- Applicant's bankbook (showing applicants name and conditions of transference of funds)

の)の写し等支弁事実を明らかにする書類を提出いたします。

き記

1 学費 月・半年毎・年間 円
 School expenses per month・per half a year・per year yen

2 生活費 月 額 円
 Living Expenses per month yen

3 支弁方法（支弁事実が証明できる方法）
 Method of Payment (Transference of funds and banking information in detail)

ねん がつ 日にち
 Year Month Day

けいひしべんしゃ
 経費支弁者
 Financial Guarantor

| | | | |
|--|-------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|
| ふりがな 氏名 Name in Full | いん 印 | せいねんがっぴ 生年月日 Date of Birth | 19 ねん がつ 日にち Year Month Day |
| げんじゅうしょ 現住所 Address | | | |
| でんわ 電話 Tel | ほんにん かんけい 本人との関係 Relationship | | |
| きんむざき 勤務先 Occupation | | | |
| きんむざきじゅうしょ 勤務先住所 Address of work | | | |
| きんむざきでんわ 勤務先電話 Tel at work | ねん しょう 年 収 Annual Income | えん 円 yen | |

※経費支弁誓約書は、志願者が公務員・保育・介護・ビジネス専門学校の外国人留学生となった場合に、経費支弁者が志願者の在学中の経費について責任を負うことを承諾する書類です。必ず経費支弁者が自筆で記入して下さい。

※Pledge for Payment is the document that you approve to take responsibility for expenses of applicant's stay in Japan in case the applicant enters College of Government Officer, Child Welfare, Care Worker & Business. The guarantor must fill in by himself.

A 公務員・保育・介護・ビジネス専門学校
2012年度 校長殿 **写真票**

| | |
|----------|---|
| 受験番号 | ※ |
| 志望学科・コース | 国際ビジネス情報学科 日本語通訳コース 国際ビジネス情報学科 経営福祉コース 社会福祉学科 保育コース 社会福祉学科 社会福祉コース 社会福祉学科 教育学コース 社会福祉学科 心理学コース |
| 入学方法 | 指定校推薦・一般 |
| 選考日程 | 1次・2次・3次・4次・5次・6次・7次・8次 |
| フリガナ | 性別 |
| 志願者氏名 | |
| 入学選考日 | ※ 年 月 日 |
| 集合時間 | ※ : |

(この部分のみ切り取ってください)

(この部分のみ切り取ってください)

写真
Photo
4 cm × 3 cm



B 公務員・保育・介護・ビジネス専門学校
2012年度 校長殿 **受験票**

| | |
|----------|---|
| 受験番号 | ※ |
| 志望学科・コース | 国際ビジネス情報学科 日本語通訳コース 国際ビジネス情報学科 経営福祉コース 社会福祉学科 保育コース 社会福祉学科 社会福祉コース 社会福祉学科 教育学コース 社会福祉学科 心理学コース |
| 入学方法 | 指定校推薦・一般 |
| 選考日程 | 1次・2次・3次・4次・5次・6次・7次・8次 |
| フリガナ | 性別 |
| 志願者氏名 | |
| 入学選考日 | ※ 年 月 日 |
| 集合時間 | ※ : |
| 選考会場 | ※ |

(この部分のみ切り取ってください)

〈注意事項〉

- 試験当日は必ず本受験票を持参してください。試験前日までに受験票を紛失した場合は、入学課まで連絡し、指示を受けてください。また、試験当日忘れたり、紛失した場合は、試験開始までに必ず試験会場内の本校係員に申し出て、仮受験票の発行を受けてください。
- 集合時間までに受付を済ませ、試験教室に入室してください（時間厳守）。
- 受験番号および取扱銀行収納印のないものは無効となります。

※印の欄は本校にて記入いたします（記入不要）。裏面に志願者の住所・氏名・郵便番号を明記してください。



(銀行で切り取ってください)

C 2012年度 入学選考料 **電信振込依頼書** (取扱店保存) 科目

- 取扱銀行へのお願**
- 金額訂正は取り扱わないでください。
 - 太線内を必ず打電してください。
 - 氏名の前に必ず「ケタ」の学科のコード番号を打電してください。
 - 取扱銀行の取納印を、(A)(B)(C)(D)票の四カ所に必ず押印のうえ、(A)(B)(D)票を依頼人へお渡しくください。手数料は振込人負担にてお願いいたします。

| | | | | | |
|-----------------|-----------|---------|----------------------------|----------|-----|
| 依頼日 | 年 月 日 | 振込指定 | 電信振込 | 手数料 | |
| 銀行名 | 科目 | 口座番号 | 金額 | ¥ 20,000 | 000 |
| ① 中京銀行 天津橋 支店 | 普通 | 281729 | 内 現 金 当 店 券 他 店 券 | | |
| ② 大垣共立銀行 菊井町 支店 | 普通 | 297528 | | | |
| ③ 名古屋銀行 本店営業部 | 普通 | 3752439 | | | |
| ④ りそな銀行 名古屋 支店 | 普通 | 1217912 | | | |
| 学校法人 たちばな学園 | | | | | |
| 志望学科のコード番号 | | | | | |
| フリガナ | (姓) | (名) | | | |
| 氏名 | | | | | |
| 住所 | 〒□□□-□□□□ | | | | |
| 電話 | () - | | | | |

(この部分のみ切り取ってください)



※振込先の銀行・口座は①②③④いずれかに○をつけてください。

(切り取り線)

(この部分のみ切り取ってください)

D 振込受領証 (本人保管)

2012年度 入学選考料

| | |
|-------|---|
| 依頼日 | 年 月 日 |
| 振込先 | ① 中京銀行 天津橋 支店 ② 大垣共立銀行 菊井町 支店 ③ 名古屋銀行 本店営業部 ④ りそな銀行 名古屋 支店 |
| 受取人 | 学校法人 たちばな学園 |
| 志願者氏名 | |

金額 20,000円

上記のとおり振込金として受領しました。



(銀行で切り取ってください)

(切り取り線)

郵便はがき



料金別納郵便

(切手不要)

志願者現住所

.....

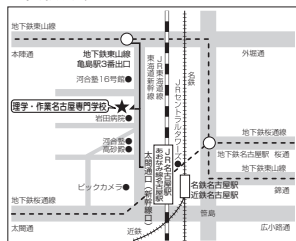
様方

志願者氏名

.....

殿

■試験会場



公務員・保育・介護・ビジネス専門学校 お問い合わせは 入学課まで
☎ 0120-159-672
〒453-0014 愛知県名古屋市中村区則武1-1-4

お問い合わせは 学校法人たちばな学園入学課まで ☎ 0120-159-672

愛知県知事認可 日本語教育振興協会認定校
東京福祉大学系列研究施設

公務員・保育・介護・ビジネス専門学校

E-mail : soudan@nagoya-college.ac.jp
〒 460-0002 愛知県名古屋市中区丸の内 2-6-4